

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11-5- 2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Lệ;

Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Xuân T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 4, phường CL, thành phố P, tỉnh G L, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm: 1985; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn PH, xã TA, huyện TP, tỉnh QT, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Xuân Th trình bày:

Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh QT. Từ lúc làm giấy đăng ký kết hôn sống chung với nhau được một tháng, từ năm 2014 đến nay, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, vì sống xa nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, vợ chồng không liên lạc với nhau, chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Thảo.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/02/2023, ông Nguyễn Quang L bố của anh H có ý kiến: Anh H đang sinh sống và lao động tại nước Hàn Quốc từ năm 2014, gia đình thường xuyên liên lạc với anh H qua mạng xã hội, còn địa chỉ cụ thể của anh H thì gia đình không biết, đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vợ chồng anh H, chị T không có con chung. Ông L cam kết nhận văn bản tố tụng của Tòa án và báo cho anh H .

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định. Vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Xuân T được ly hôn anh Nguyễn Quang H .

+ Về con chung: Không có.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Xuân Th yêu cầu ly hôn với anh H khi anh H đang lao động xuất khẩu tại Hàn Quốc. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị Thảo và gia đình Hòa không cung cấp được địa chỉ của anh H tại Hàn Quốc, nhưng phía gia đình của anh H vẫn thường xuyên liên lạc với anh H qua mạng xã hội Facebook, gia đình anh H nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo nội dung cho anh H nhưng anh H không cung cấp địa chỉ, trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên được coi là trường hợp

bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã TT, huyện TP, tỉnh QT trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống đến năm 2014, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, từ đó đến nay không về, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt liên lạc với nhau. Xét thấy, tình cảm giữa chị T và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị Xuân T và anh Nguyễn Quang H (*ĐKKH số 34 ngày 04/6/2013*).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000204 ngày 01/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị T đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTri;
- Cục THADS tỉnh QTri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTri;
- Cục THADS tỉnh QTri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND Phường 3;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND TT Gio Linh, Gio Linh;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Thương